

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **30/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/02/2018

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ký

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Đặng Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP.B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2096/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/QĐST – HNGĐ ngày 18/01/2018 giữa:

* Nguyên đơn: Ông **Trương Xuân Q**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: E467, tổ 26, KP5A, phường L, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

* Bị đơn: Bà **Hàn Thị T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 163/17, tổ 7, KP4, phường L, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Q có mặt, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Trương Xuân Q trình bày:**

Ông và bà Hàn Thị T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, hôn nhân tự nguyện. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng không hạnh phúc vì tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã, xô sát nhau và không còn tôn trọng nhau nên đã ly thân hơn một năm nay, hơn nữa quan hệ giữa ông và gia đình vợ cũng không hợp nhau nên chung sống luôn bị áp lực. Sau khi bà T sinh con thì bị u tùy, sức khỏe không được tốt nên mẹ vợ ông là người chăm sóc bà T còn ông là người chăm sóc con. Cùng một lúc ông không thể chăm sóc vợ và con vì cuộc sống khó khăn, đồng lương eo hẹp. Vợ chồng mâu thuẫn

trầm trọng, bản thân ông còn trẻ mà không được gần gũi vợ như những người đàn ông khác nên ông thấy cuộc sống hôn nhân này không hạnh phúc, tình nghĩa thì còn nhưng tình yêu vợ chồng không có. Do vậy ông xin ly hôn bà T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trương Minh T1, sinh ngày 23/8/2013. Ly hôn ông xin được nuôi cháu Minh T1 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu T1 đang ở ổn định với ông. Do bà T bị bệnh nên ông sẽ tạo điều kiện đưa cháu T1 thăm bà T để bà T có chỗ dựa tinh thần. Trường hợp bà T khỏe mạnh thì ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

***Bị đơn bà Hàn Thị T trình bày:**

Bà và ông Trương Xuân Q kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì bà phát hiện bị u tủy cột sống phải điều trị hiện tại chưa hồi phục nên gia đình vẫn phải chăm sóc, phục vụ sinh hoạt. Khi bà bị bệnh u tủy thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nên bà trở thành gánh nặng cho ông Q, ông Q có lần đánh bà nên bà về ở với mẹ ruột. Từ gần một năm nay ông Q đón con rồi không hỏi han, quan tâm đến đến bà còn dùng lời lẽ miệt thị bà. Nay ông Q xin ly hôn thì bà không đồng ý vì bà còn thương chồng con.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trương Minh T1, sinh ngày 23/8/2013. Ly hôn bà xin được nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Xuân Q có mặt, bị đơn bà T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Tuyền.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Xuân Q và bà Hàn Thị T đăng ký kết hôn năm 2012, tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay ông Q xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về nội dung: Ông Q trình bày ngay sau khi kết hôn vợ chồng không hạnh phúc vì tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã, xô sát nhau và không còn tôn trọng nhau nên đã ly thân hơn một năm nay, hơn nữa quan hệ giữa ông và gia đình vợ cũng không hợp nhau nên chung sống luôn bị áp lực. Bản thân ông còn trẻ mà không được gần gũi vợ như những người đàn ông khác nên ông thấy cuộc

sống hôn nhân này không hạnh phúc, tình nghĩa thì còn nhưng tình yêu vợ chồng không có. Bà T cũng thừa nhận khi bà bị bệnh u tủy thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nên bà trở thành gánh nặng cho ông T, ông T có lần đánh bà nên bà về ở với mẹ ruột. Từ gần một năm nay ông T đón con rồi không hỏi han, quan tâm đến đến bà mà còn dùng lời lẽ miệt thị bà. Mặc dù bà T không đồng ý ly hôn nhưng Hội đồng xét xử xét thấy trước đây ông Q đã làm đơn xin ly hôn sau đó ông Q rút đơn để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hiện nay ông Q, bà T mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên có hàn gắn vợ chồng cũng không hạnh phúc, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q, cho ông Q được ly hôn bà Hàn Thị T.

[4] Về cho chung: Có 01 con chung tên là Trương Minh T1, sinh ngày 23/8/2013. Hiện nay cháu T1 đang ở ổn định với ông Q. Bà T có nguyện vọng nuôi con nhưng do đang bị bệnh phải có người khác chăm sóc nên cần giao cháu T1 cho ông Q chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, tạm thời bà T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Trương Xuân Q phải nộp phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002849 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã đúng và đầy đủ theo qui định về Luật tố tụng dân sự.

Về đường lối: Nguyên đơn chứng minh được yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Q được ly hôn bà T. Về cho chung: Giao cháu Trương Minh T1, sinh ngày 23/8/2013 cho ông Q nuôi dưỡng, bà T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, Tòa án không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 203, 207, 220, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Xuân Q về việc “Xin ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Xuân Q được ly hôn bà Hàn Thị T.

Về con chung: Giao cháu Trương Minh T1, sinh ngày 23/8/2013 cho ông Trương Xuân Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà Hàn Thị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà Hàn Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trương Xuân Q phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002849 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Báo cho ông Trương Xuân Q biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hàn Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA B;
- UBND nơi cấp GĐKKH;
- Đương sự (2);
- Lưu (4).

Lê Thị Ký